

ĐỐI THOẠI LIÊN TÔN GIÁO TỪ CÔNG ĐỒNG VATICAN II

Tóm tắt: Bài viết này phác họa tiến trình đối thoại liên tôn giáo của Giáo hội Công giáo kể từ Công đồng Vatican II đến nay. Nội dung chính của bài viết đề cập tới những văn kiện trong và sau Công đồng Vatican II nói về chủ đề đối thoại liên tôn giáo; những tiến triển thần học đối thoại theo chiều lịch đại và những luận điểm thần học then chốt của chủ đề đối thoại; các hoạt động đối thoại liên tôn giáo của Tòa Thánh cũng như của Hội đồng Giám mục Châu Á; xu hướng và viễn cảnh của đối thoại liên tôn giáo đang đặt cho các chủ thể đối thoại; khái quát về đối thoại liên tôn giáo của Công giáo Việt Nam.

Từ khóa: Công giáo, Công giáo Việt Nam, Công đồng Vatican II, đối thoại liên tôn giáo, thần học về các tôn giáo.

1. Dẫn nhập

Trong vài thập kỷ qua, nhiều cuộc chiến tranh, khủng bố diễn ra không ngừng. Điều đáng nói là, ngoài nguyên nhân chính trị, tộc người, còn có sự can dự của yếu tố tôn giáo trong những đụng độ đó. Trong bối cảnh trên, cụm từ “đối thoại” rõ ràng được sử dụng nhiều hơn, phổ biến hơn như một nỗ lực để hướng tới một cách hòa giải những bất đồng và xung đột bằng con đường hòa bình. Đây là một cố gắng của các quốc gia, các tổ chức chính trị - xã hội và cả các tổ chức tôn giáo.

Riêng với Giáo hội Công giáo, dù khởi xướng chủ đề này chậm hơn Tin Lành⁽¹⁾, nhưng lại mang tính hệ thống và liên tục. Về mặt quan phương, việc đối thoại với những tôn giáo khác chính thức được mở ra kể từ sau Công đồng Vatican II⁽²⁾ và kéo dài cho đến nay. Kết quả của những cuộc đối thoại liên tôn giáo và cả đại kết nhiều năm qua vẫn chỉ là triển vọng chứ chưa hứa hẹn một tương lai đáng muốn. Nói cách khác, vấn đề này là “công trường” còn ngổn ngang. Bởi lẽ, cuộc đối thoại này không

*. ThS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

chi đơn giản là các tôn giáo gặp gỡ chia sẻ và trao đổi với nhau, mà còn đưng đến cả nền tảng của “ơn cứu rỗi của các tôn giáo”. Có những câu hỏi về chủ đề này mà Giáo hội Công giáo không dễ trả lời thỏa mãn cho các tôn giáo trong các bối cảnh cụ thể của cuộc đối thoại. Chẳng hạn, tại sao phải gia nhập vào Hội thánh mới có được ơn cứu rỗi; tại sao trung tâm cứu rỗi phải là Chúa Giêsu Kitô mà không phải một Đấng Tối Cao nào đó của tôn giáo khác, v.v... Những thách đố này đã đẩy các nhà thần học từ sau Công đồng Vatican II chuyển từ một thái độ cứng rắn sang quan điểm trung lập hơn về quan điểm. Về mặt “thần học đối thoại”, việc thống nhất quy vấn đề cứu rỗi vào khuôn khổ giới hạn của thần học là một bước tiến dài của lập trường đối thoại so với truyền thống cố hữu trước đó là quy cứu rỗi vào Giáo hội. Cũng từ đây, khi phải đối diện với tình trạng đa tôn giáo, đa văn hóa, Giáo hội Công giáo đã đi từ chỗ đặt vấn đề các tôn giáo có được cứu rỗi hay không, chuyển sang tìm hiểu về cách họ được cứu rỗi trong tương quan với Chúa Giêsu Kitô. Nhưng cũng có những xu hướng thần học về các tôn giáo khác đã đi quá xa, ảnh hưởng đến các tín lý của Hội Thánh, mà ít nhiều giáo quyền đã phải thổi còi can thiệp.

Có lẽ câu chuyện đối thoại liên tôn giáo cần phải thoát ra khỏi tình trạng truy tìm về các giáo điều của nhau, bỏ ra ngoài các động cơ tục hóa hay các chủ đích chính trị. Ngay cả những điều mà Giáo hội Công giáo cho là sứ mệnh tự thân như rao giảng Tin mừng, khi đem nó vào đối thoại, cũng không tránh khỏi những nghi kỵ từ phía các tôn giáo khác. Đây cũng là bài toán khó cho hoạt động thực tiễn và lý thuyết của việc đối thoại. Nếu đối thoại mà không giữ căn tính, không rao truyền thì cần gì phải ưu tiên cho Tin mừng của Chúa Kitô. Và khi Đấng Cứu rỗi đã bị các tôn giáo khác sở hữu mất, thì phải chăng truyền giáo là vô nghĩa? Vậy nói tới đối thoại liên tôn giáo, phải chăng giáo quyền và các nhà thần học Công giáo cho đến tận hôm nay luôn phải tham gia vào cuộc “đối thoại kép”, nghĩa là vừa phải đối thoại với các tôn giáo khác, vừa phải đối thoại với chính họ.

2. Đối thoại liên tôn giáo theo quan điểm Công giáo

Hồng y Francis Arinze, nguyên Chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng về đối thoại liên tôn giáo cho rằng: “Đối thoại liên tôn giáo (Interreligious dialogue) là cuộc gặp gỡ giữa những người khác tôn giáo, trong bầu

không khí tự do và cởi mở, để lắng nghe người khác, cố gắng hiểu tôn giáo của người khác và hy vọng có thể cộng tác với nhau. Đối thoại là một chuyển động hai chiều qua lại, do đó sự hỗ tương là bản chất của đối thoại. Cho và nhận. Đối thoại bao hàm cả sự tiếp nhận lẫn thông giao tích cực⁽³⁾. Theo Hồng y Turkson, Chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hòa bình, trong một bài viết đăng trên báo *Người quan sát Roma*, ngày 11/7/2011, đề cập tới đối thoại liên tôn giáo là “nói tới sự dần thân của các cộng đồng tôn giáo để phục vụ công lý và hòa bình, là nhắc tới sự cộng tác của họ vì công ích trong xã hội, trong khuôn khổ cuộc đối thoại của họ với nhau”⁽⁴⁾.

Trong *Sách giáo lý Hội thánh Công giáo*, tuy không có một đề mục riêng, nhưng chúng ta có thể ghi nhận một vài chiều cạnh cụ thể sau đây liên quan đến đối thoại liên tôn giáo của Giáo hội Công giáo:

Nhu cầu và lợi ích của đối thoại trong đời sống xã hội: “Con người cần đến đời sống xã hội. Đời sống này không phải là một cái gì được thêm vào nhưng là một đòi hỏi của bản tính con người. Nhờ trao đổi với người khác, nhờ phục vụ lẫn nhau và nhờ đối thoại với anh em, con người phát triển các tiềm năng; nhờ đó, họ đáp lại ơn gọi của mình” (*Sách giáo lý Hội thánh Công giáo*, số 1879).

Theo *Sách giáo lý Hội thánh Công giáo*, niềm tin vào khả năng nhận biết Chúa của lý trí con người là khởi điểm của đối thoại liên tôn giáo: “Khi chủ trương lý trí có khả năng nhận biết Thiên Chúa, Hội Thánh tin tưởng có thể nói về Thiên Chúa cho tất cả mọi người và với mọi người. Niềm xác tín này là khởi điểm cho cuộc đối thoại của Hội Thánh với các tôn giáo khác, với triết học và khoa học, cũng như với những người vô tín ngưỡng và vô thần” (*Sách giáo lý Hội thánh Công giáo*, số 39).

Đối thoại liên tôn giáo là thành phần của sứ mạng truyền giáo và mang lại ích lợi cho đời sống người Kitô hữu: “Nhiệm vụ truyền giáo bao hàm một sự đối thoại trân trọng với những ai chưa chấp nhận Tin Mừng. Các tín hữu có thể tiếp nhận nhiều điều bổ ích cho mình từ cuộc đối thoại này nhờ học biết thêm tất cả những gì là chân lý và ân sủng đã có nơi các dân tộc như một sự hiện diện thầm kín của Thiên Chúa” (*Sách giáo lý Hội thánh Công giáo*, số 856).

Như thế, việc rao giảng Tin mừng qua con đường đối thoại này “để củng cố, bổ túc, nâng cao sự thật và sự thiện mà Thiên Chúa đã loan truyền

giữa loài người, giữa các dân tộc, cũng là để thanh luyện họ khỏi sự lầm lạc và sự dữ để Thiên Chúa được vinh danh, quý dữ phải hổ thẹn và loài người được hạnh phúc” (*Sách giáo lý Hội thánh Công giáo*, số 856).

3. Công đồng Vatican II mở ra cánh cửa đối thoại giữa Công giáo với các tôn giáo khác

Với tính chất canh tân và nhập thế của Công đồng Vatican II, Giáo hội Công giáo đã tự đặt mình vào hiện thực của thế giới, bước vào chuyển động của lịch sử nhân loại bằng cách “cập nhật hóa”⁽⁵⁾ hiện thực từ hai phía. Với bên ngoài, đó là thay đổi tương quan của Giáo hội với thế giới, còn bên trong đó là cải cách Giáo hội. Trong sự đổi mới đó, Công đồng Vatican II đã khai mở một thái độ đối với các tôn giáo ngoài Công giáo. Thái độ này được nhấn mạnh trong hai hiến chế, hai tuyên ngôn và một sắc lệnh⁽⁶⁾, trong đó, nổi bật nhất và quan trọng nhất là *Tuyên ngôn Nostra Aetate* (NA)⁽⁷⁾, một tuyên ngôn ngắn nhất trong 16 văn kiện được công bố, nhưng đóng vai trò bước ngoặt cho quan điểm của Công giáo về các tôn giáo, cũng như cho sự thực hành gặp gỡ giữa Giáo hội với các tôn giáo khác.

Công đồng Vatican II đề cập đến khía cạnh tích cực của nhiều tôn giáo, nhìn nhận có yếu tố chân lý và thánh thiện, trong đó: “Giáo hội Công giáo không hề phủ nhận những gì là chân thật và thánh thiện nơi các tôn giáo. Với lòng kính trọng chân thành, Giáo hội xét thấy những phương thức hành động, những lối sống, những huấn giới và giáo thuyết kia, tuy có nhiều điểm khác với chủ trương mà Giáo hội duy trì, nhưng vẫn thường có ánh sáng của Chân lý vốn hằng chiếu soi cho hết mọi người” (NA, 2)⁽⁸⁾.

Giáo hội Công giáo luôn cổ vũ việc xây dựng một cuộc sống chung hài hòa trong xã hội, mời gọi tín đồ của mình hợp tác với tín đồ các tôn giáo khác trong việc thăng tiến các giá trị tinh thần, luân lý cũng như văn hóa xã hội: “Vì thế, Giáo hội khuyến khích con cái mình nhìn nhận, duy trì và cổ động cho những thiện ích thiêng liêng cũng như luân lý và những giá trị xã hội văn hóa của tín đồ các tôn giáo khác, bằng con đường đối thoại và hợp tác cách thận trọng và bác ái với những tín đồ các tôn giáo ấy mà vẫn là chứng tá của Đức tin Kitô giáo” (NA, 2).

Giáo hội Công giáo chủ trương phải tìm hiểu, gặp gỡ các tôn giáo khác nhiều hơn, để có những phán đoán đúng hơn về họ: “Trong thời đại

chúng ta, nhân loại càng ngày càng liên kết chặt chẽ với nhau hơn, các mối liên lạc giữa các dân tộc cũng gia tăng, nên Giáo hội đặc biệt chú tâm tới việc liên lạc với các tôn giáo ngoài Kitô giáo. Trong nhiệm vụ cổ vũ sự hiệp nhất và yêu thương giữa con người và nhất là giữa các dân tộc, Giáo hội đề cập đến những điểm chung cho hết mọi người và những gì dẫn đến cuộc sống cộng đoàn” (NA,1)⁽⁹⁾.

4. Một số văn kiện sau Công đồng Vatican II đề cập tới đối thoại liên tôn giáo

Sau Công đồng Vatican II, một loạt các văn kiện quan trọng được ban hành thể hiện những huấn quyền và các suy tư thần học cổ vũ đối thoại liên tôn giáo của Giáo hội Công giáo.

Giáo hội Công giáo đã có những nỗ lực cụ thể về lý thuyết cũng như thực hành để xúc tiến việc đối thoại tôn giáo này. Ngoài *Sắc lệnh Hoạt động truyền giáo* (Ad Gentes) và *Tuyên ngôn Giáo hội với các tôn giáo ngoài Kitô giáo* (Nostra Aetate) của Công đồng Vatican II, có thể kể đến *Tông huấn Evangelium Nuntiandi* (Tin mừng hóa) ngày 8/12/1975 của Giáo hoàng Phaolô VI, nhấn mạnh việc loan báo Tin mừng hướng đến muôn người, bao hàm cả tín đồ các tôn giáo khác. Dù trọng tâm của tông huấn này là truyền giáo, nhưng Giáo hoàng Phaolô VI cũng đưa ra cái nhìn tích cực về các tôn giáo khác: “Các tôn giáo ấy mang theo mình dư âm của hàng nghìn năm tìm kiếm Thiên Chúa, tìm kiếm chưa đầy đủ... Các tôn giáo ấy có một di sản đáng thán phục về các bản kinh đậm đà tính tôn giáo. Các tôn giáo ấy đã dạy cho nhiều thế hệ biết cầu nguyện. Các tôn giáo ấy đều được gieo cấy đó đây bằng vô số những hạt giống lời và có thể thành một chuẩn bị tích cực cho Tin mừng...”⁽¹⁰⁾.

Tông thư Sứ vụ Đấng Cứu Thế (Missio Redemptoris, MR) năm 1990 của Giáo hoàng Gioan Phaolô II cho rằng: “Đối thoại liên tôn giáo là một phần của sứ mạng truyền giáo của Giáo hội. Được hiểu như một phương thế và một phương tiện cho sự hiểu biết lẫn nhau và sự phong phú hóa. Đối thoại liên tôn giáo không mâu thuẫn với sứ mạng truyền giáo cho muôn dân, trái lại có những liên kết đặc biệt với sứ mạng này và là một trong những biểu hiện của sứ mạng đó (MR, 55)⁽¹¹⁾. Trong *Tông huấn Giáo hội tại Châu Á* (Ecclesia in Asia) năm 1999, vị Giáo hoàng này tiếp tục khẳng định sự cần thiết và ý nghĩa của đối thoại liên tôn giáo tại Châu Á, cũng như nhìn nhận những giá trị của các tôn giáo khác: “Đối thoại

liên tôn giáo không phải chỉ là cách thế giúp hiểu biết và phong phú hòa lẫn nhau, mà hơn nữa còn là một thành phần của sứ mạng rao giảng Tin mừng của Giáo hội, một biểu hiện của sứ vụ đối với dân ngoại. Qua đối thoại liên tôn giáo, người Kitô hữu trình bày xác tín về sự viên mãn của ơn cứu rỗi chỉ đến từ Đức Kitô và Giáo hội mà họ là thành viên (...). Mặc dù Giáo hội vui mừng nhìn nhận tất cả những gì là chân thật và thánh thiện trong truyền thống tôn giáo của Phật giáo, Ấn Độ giáo và Islam giáo, như một phần phản ánh của chân lý soi sáng mọi người, điều đó không giảm thiểu trách nhiệm và bổn phận của Giáo hội đối với việc cương quyết rao giảng Đức Kitô như là “đường, sự thật và sự sống”⁽¹²⁾.

Đặc biệt, hai tông thư *Đối thoại và truyền giáo* (Dialogue and Mission, 1984) và *Đối thoại và công bố Tin mừng* (Dialogue and Proclamation, 1991) của Giáo hoàng Gioan Phaolô II nói về thái độ mà Giáo hội Công giáo phải có đối với tín đồ các tôn giáo khác. Riêng văn kiện *Dialogue and Mission* (Đối thoại và Truyền giáo) của Tòa Thánh năm 1984 đặc biệt nói về “Thái độ của Giáo hội đối với tín đồ các tôn giáo khác, những suy tư và hướng dẫn về đối thoại và truyền giáo”. Trong đó, văn kiện đã đưa ra 4 hình thức đối thoại thực tế để mọi Kitô hữu có thể tùy nghi áp dụng thích hợp nhất trong môi trường mình sống⁽¹³⁾: đối thoại bằng đời sống thường nhật⁽¹⁴⁾; đối thoại bằng việc làm, hoạt động vì lợi ích chung⁽¹⁵⁾; đối thoại về mặt lý thuyết⁽¹⁶⁾; đối thoại về những kinh nghiệm tôn giáo⁽¹⁷⁾.

Để đáp lại lời kêu gọi của Công đồng Vatican II về phát triển Giáo hội địa phương, Liên Hội đồng Giám mục Châu Á⁽¹⁸⁾ ra đời năm 1970, gồm Hội đồng Giám mục của hơn 20 nước tại Châu Á. Ngay từ đầu 1970, tổ chức này đã đồng tâm và quyết tâm bảo tồn và cổ vũ phát triển những giá trị thiêng liêng của các nền văn hóa và đạo lý Châu Á: “Chúng tôi hứa sẽ đối thoại cởi mở, chân thành với anh chị em tôn giáo bạn tại Châu Á và chúng tôi phải học hỏi lẫn nhau để tăng cường sự phong phú đời sống tinh thần cho nhau, tìm cách cùng nhau phục vụ nhân sinh, phát triển con người có hiệu quả hơn”⁽¹⁹⁾.

Để thi hành quyết tâm trên, Liên Hội đồng Giám mục Châu Á đã khai trương Văn phòng về các vấn đề tôn giáo (Bishop Institute for Religious Affairs, viết tắt là BIRA). Đặc biệt, Văn phòng về công tác liên tôn giáo và đại kết⁽²⁰⁾ được thành lập năm 1974 đã đảm nhận chức năng thúc đẩy

sự hợp tác và truyền thông liên tôn giáo và đại kết của Liên Hội đồng Giám mục Châu Á. Qua các hội nghị, dần dần Hội thánh Châu Á nhận ra rằng, đối thoại liên tôn giáo là cách thức tốt nhất trên con đường loan báo Tin mừng tại châu lục này.

5. Vài nét tổng quát về “thần học đối thoại”

Khoa Thần học về các tôn giáo của Giáo hội Công giáo vừa cũ lại vừa mới. Cũ vì ngay từ thời các giáo phụ và trước nữa, người ta đã nói về các tôn giáo và câu chuyện tiếp tục cho đến ngày hôm nay. Mới vì mới hình thành và vẫn chưa có một hệ thống thần học tổng quát và chuyên biệt về các tôn giáo.

Thần học về đối thoại tôn giáo, gọi đầy đủ là thần học của Công giáo về các tôn giáo, thường nói tắt là thần học về các tôn giáo, mới xuất hiện từ thế kỷ XX, đặc biệt là sau Công đồng Vatican II, khi phong trào đối thoại liên tôn giáo có những biến chuyển mạnh mẽ. Bởi vì, quan điểm của Giáo hội Công giáo trước Công đồng Vatican II đã tự coi mình là chân lý duy nhất. Trong bối cảnh đó, “thần học đối thoại” mang nặng tính hộ giáo. Xưa kia, người ta có bàn đến các tôn giáo, nhưng chỉ trong phạm vi và tinh thần hộ giáo. Trong khoa hộ giáo, các nhà hộ giáo chỉ hướng đến bảo vệ và đề cao đức tin cũng như Giáo hội Công giáo. Một cuốn sách hộ giáo thường mở đầu bằng cách chứng minh có Thiên Chúa và con người có bản phận tôn thờ, phụng sự Thiên Chúa. Tiếp đó, người ta nói đến Do Thái giáo như con đường chuẩn bị duy nhất đưa tới Kitô giáo, và Kitô giáo như con đường duy nhất đưa tới Nước Trời. Sau cùng, trong Kitô giáo, người ta đã phá các bè phái lạc giáo để bênh vực giáo lý Công giáo, đã phá lý giáo để bênh vực tính chính thống và tính duy nhất của Giáo hội Công giáo.

Thần học về các tôn giáo sau Công đồng Vatican II được đặt ra trong bối cảnh của sự đa dạng tôn giáo. Nó tập trung nghiên cứu về con đường và cách thức cứu rỗi của các tôn giáo. Sự xem xét này được quy chiếu bởi nền tảng của *Kinh Thánh* với sự trợ lực của đức tin. Hàng loạt vấn đề được đặt ra là các tôn giáo khác có cứu rỗi hay không; hay phải bắt buộc phải gia nhập Hội thánh mới có cứu rỗi; những giá trị của các tôn giáo khác như thế nào; những người không theo Công giáo nhưng có đạo đức, lối sống tốt trong truyền thống văn hóa và tôn giáo riêng liệu có được cứu rỗi, v.v...

Giữa thế kỷ XX, thời điểm trước Công đồng Vatican II, về đại thể chia hai xu hướng thần học về ơn cứu rỗi⁽²¹⁾ khi xem xét Công giáo trong mối tương quan với các tôn giáo khác. *Lập trường thứ nhất*, nhìn nhận các tôn giáo khác không có sự cứu rỗi, mà chỉ đưa con người tiếp cận tới Thiên Chúa, còn cứu rỗi cần thiết phải do Chúa Kitô kiện toàn. Đại diện là các nhà thần học người Pháp như Jean Daniélou (1905 - 1974), Henri de Lubac, Y. Congar, v.v... Theo Daniélou: “Trong Công giáo có một hướng đi ngược lại, đó là bước đường Thiên Chúa đi xuống để đến với thế giới, ngõ hầu thông chuyển sự sống của chính Người cho thế giới. Dù có đáng cảm phục và cao đẹp đến mấy thì các con đường tôn giáo khác cũng chỉ nằm ở trong trật tự đơn thuần tự nhiên, và không thể nào có khả năng mang lại cho con người ơn cứu rỗi mà Thiên Chúa chỉ để sẵn ở trong Giáo hội và chỉ ở trong Giáo hội (Giáo hội Công giáo) mà thôi”⁽²²⁾.

Lập trường thứ hai, đứng đầu là nhà thần học người Đức Karl Rahner (1904 - 1984) cho rằng, các tôn giáo đã giúp con người đón nhận ơn cứu rỗi của Thiên Chúa, nhờ đức tin và nhờ hành động bác ái đối với con người (mà hành động đó được Chúa Kitô nhìn nhận như là đã thực hiện cho bản thân Ngài). Các tôn giáo nằm trong kế hoạch cứu rỗi của Thiên Chúa. Ôn thánh linh được ban cho tất cả mọi người. Các giáo lý và lễ nghi của các tôn giáo đó có thể ví như là những phương tiện Chúa dùng để ban ơn cứu rỗi cho các tín đồ⁽²³⁾. Riêng Karl Rahner, trước Công đồng còn nêu quan điểm mạnh bạo hơn so với các truyền thống Giáo hội là chỉ cần một người Kitô “nặc danh” hay “tiềm ẩn”, tức người tín đồ đó không cần biết đến Kitô giáo một cách rõ ràng vẫn có thể được cứu rỗi⁽²⁴⁾. Ông cho rằng, vì Chúa Giêsu Kitô là nền móng cơ bản của ơn cứu rỗi, nên tín đồ các tôn giáo khác như Ấn Độ giáo, Phật giáo, Islam giáo, ... nếu nhận được ơn cứu rỗi trong tôn giáo của họ, thì một cách nào đó cũng ngang qua Chúa Giêsu Kitô. Nhưng vấn đề gai góc nhất vẫn nằm ở câu hỏi căn bản phải chăng cuối cùng, tất cả tín đồ các tôn giáo khác, các Kitô hữu nặc danh, sẽ trở thành Kitô hữu chính danh⁽²⁵⁾?

Quan điểm thần học của Jean Daniélou và Karl Rahner đã ảnh hưởng mạnh mẽ tới Công đồng Vatican II và được triển khai vào trong nhiều văn kiện⁽²⁶⁾. Dù vậy, xét về ảnh hưởng lâu dài, xem ra Jean Daniélou đã chiếm phần ưu trội hơn Karl Rahner. Bởi lẽ, Công đồng Vatican II khai mở như một đòi hỏi thúc bách của Giáo hội về yêu cầu đổi mới đã có

những cái nhìn tích cực hơn về các tôn giáo khác. Tuyên bố thần học của Công đồng đã khẳng định không chút mập mờ đối với việc người tin theo các tôn giáo khác cũng có thể nhận được ơn cứu rỗi trong Chúa Kitô nhờ ân huệ của Chúa Thánh Thần⁽²⁷⁾. Nhưng một điều dễ thấy là, Công đồng cũng có những chỗ giải thích cách thức mà các tôn giáo khác có được cứu rỗi một cách dè dặt. Chẳng hạn, *Tuyên ngôn về quan hệ giữa Giáo hội với các tôn giáo không Kitô giáo* (Nostra Aetate, 2) xác định Giáo hội Công giáo “không loại bỏ bất cứ một điều nào trong những gì chân thật và lành thánh” gặp thấy nơi các truyền thống tôn giáo khác và không nói gì thêm. Trong *Sắc lệnh về hoạt động truyền giáo của Giáo hội* (Ad Gentes, 11), Công đồng cho rằng, người Kitô phải biết “phát hiện những mầm giống của Lời tiềm ẩn (trong các truyền thống tôn giáo khác)”. Giải thích thái độ dè dặt của Công đồng, Karl Rahner nói rằng, đó là một vấn đề chủ yếu đối với nhà thần học, nhưng Công đồng đã bỏ ngõ⁽²⁸⁾.

Thái độ khẳng định có cứu rỗi cho các tôn giáo khác nhưng lại dè dặt trong cách giải thích về cách thức cứu rỗi đã dẫn đến một hiện trạng là thần học về các tôn giáo sau này giải thích quá xa những gì Công đồng Vatican II và bối cảnh Giáo hội lúc đó muốn nói đến. Thậm chí xuất hiện các quan điểm thần học bị Giáo hội xem là “nguy hại” cho các tín điều của Giáo hội. Cũng từ đây, sau trạng thái “buông”, “mờ” của Công đồng, nhất là từ thời Giáo hoàng Gioan Phaolô II, các giáo huấn có phần siết lại quan điểm thần học về các tôn giáo. Khi đó, những tư tưởng thần học có lối giải thích sát với các tín lý và truyền thống Giáo hội sẽ được lập lại kỹ hơn⁽²⁹⁾. Phải chăng đó chính là điều mà các quan điểm có tính khuôn mẫu của Jean Daniélou vẫn còn được nhắc đến nhiều hơn các quan điểm thần học có tính “phá cách” của Karl Rahner. Sự cảnh báo của huấn quyền với việc đi quá xa các quan điểm thần học của một số nhà thần học có thể thấy rõ trong *Tuyên ngôn Dominus Iesus*, năm 2000 của do Hồng y Joseph Ratzinger, Bộ trưởng Thánh bộ Giáo lý Đức tin ký⁽³⁰⁾.

Sau Công đồng Vatican II, việc giải thích lại câu nói “ngoài Giáo hội không có ơn cứu rỗi” theo các điều kiện ràng buộc ít ngặt nghèo hơn. Công đồng đã trả lại ý nghĩa nguyên thủy của câu nói này. Vốn dĩ câu nó được Thánh Cypriano đưa ra để đối phó với hoàn cảnh đặc biệt của Giáo hội vào cuối thế kỷ III, thời điểm Giáo hội đang bị chia rẽ và có nhiều người ly khai. Nội dung này chỉ áp dụng cho những thành phần của Hội

Thánh, hướng tới một sự khẳng định đức tin, tránh việc từ bỏ xa rời Hội Thánh. Mặt khác, Công đồng cũng chuyển sang lập trường giải thích chính Chúa Giêsu mới là Đấng Trung gian duy nhất của ơn cứu rỗi chứ không phải Giáo hội. Đồng thời không thể đặt Giáo hội ngang với Chúa Giêsu Kitô trong vấn đề cứu rỗi⁽³¹⁾. Không thể đồng hóa bất cứ Giáo hội hữu hình và lịch sử nào với “Giáo hội, Nhiệm thể của Đức Kitô”. Ơn cứu rỗi chỉ lệ thuộc vào niềm tin nơi Chúa Giêsu Kitô, Đấng Trung gian duy nhất. Chính Chúa Giêsu là trung tâm điểm của Kitô giáo chứ không phải Giáo hội. Ngài là trung gian giữa Thiên Chúa với nhân loại, còn Giáo hội chỉ đóng vai trò dụng cụ, chứng tá và bí tích, trong tương quan với mẫu nhiệm cứu rỗi của Chúa Giêsu⁽³²⁾.

Tài liệu *Đối thoại và rao truyền* của Hội đồng Giáo hoàng về Đối thoại Liên tôn và Thánh bộ Truyền bá Phúc âm cho các dân tộc năm 1991 có một cái nhìn cởi mở và tích cực hơn về vai trò của các truyền thống tôn giáo. Theo tài liệu này, mẫu nhiệm cứu rỗi đến với tín đồ các tôn giáo khác “bằng những con đường mà chỉ Thiên Chúa biết thôi, dưới tác động vô hình của Thần khí Chúa Kitô. Nói một cách cụ thể, chính khi chân thành làm điều thiện theo truyền thống tôn giáo của mình và sống đúng theo tiếng gọi của lương tâm, tín đồ của các tôn giáo này đã trả lời một cách tích cực lời mời của Thiên Chúa và lĩnh nhận ơn cứu rỗi của Chúa Giêsu Kitô, cho dù họ không nhận biết Ngài và không tuyên xưng Ngài như Đấng Cứu rỗi của mình” (số 29).

Về đại thể, các mô hình thần học về các tôn giáo sau Công đồng Vatican II đã chuyển từ mô hình lấy Giáo hội làm trung tâm, sang mô hình lấy Chúa Giêsu làm trung tâm. Ngoài ra, các nhà thần học còn chủ trương hai mô hình nữa là lấy Thiên Chúa làm trung tâm và lấy cứu rỗi làm trung tâm⁽³³⁾. Dù vậy, xem ra mô hình lấy Chúa Giêsu làm trung tâm được hưởng ứng rộng rãi hơn cả. Nói chung, trước một thực trạng đa dạng tôn giáo của thế giới đương đại thì có một mô hình thần học đối thoại lý tưởng, thích hợp bối cảnh và ít bị “bắt lỗi” nhưng lại bảo tồn nguyên vẹn các tín điều căn cốt vẫn đang là một thách đố với các nhà thần học Công giáo. Vào những thập niên cuối của thế kỷ XX, một số nhà thần học đề xướng một trào lưu thần học đa nguyên, với chủ trương tương đối cởi mở khi nhìn nhận ơn cứu rỗi nơi các tôn giáo khác⁽³⁴⁾. Thần học đa nguyên có thể làm yếu đi tính duy nhất và phổ quát của Công giáo.

6. Những luận điểm thần học cho việc đối thoại liên tôn giáo từ sau Công đồng Vatican II

Từ những huấn quyền và các văn kiện cơ bản của Giáo hội Công giáo về việc đối thoại liên tôn giáo từ sau Công đồng, chúng tôi tạm rút ra ra một số quan điểm thần học về các tôn giáo như sau:

- *Từ bỏ lập trường lấy Giáo hội làm trung tâm*: Giáo hội Công giáo trước hết nhìn nhận vai trò tích cực của các tôn giáo khác với tư cách là những tổ chức lịch sử - xã hội, trong đường lối chung của ơn cứu rỗi⁽³⁵⁾. Giáo hội xác định, các lễ nghi và giáo lý của các tôn giáo khác có thể mang một hiệu quả thật sự cho các tín hữu của họ. Điều này đã làm đảo ngược hoàn toàn một lập trường chuyên nhất⁽³⁶⁾, đại diện cho một Giáo hội “độc quyền” và từ chối mọi giá trị cứu rỗi đối với các tôn giáo không phải Kitô giáo, bằng việc đưa vào cách giải thích cứng nhắc và có phần cực đoan dựa vào di huấn của Hội Thánh trước Công đồng Vatican II để lại là “Ngoài Giáo hội không có ơn cứu rỗi”⁽³⁷⁾. Lập trường này là một quan điểm loại trừ và khép kín. Ơn cứu rỗi chỉ có được khi tin vào Chúa Giêsu và phải tham dự vào Giáo hội do Chúa Giêsu thiết lập. Quan điểm này loại trừ tất cả các con đường cứu rỗi khác. Nhà thần học Hans Küng gay gắt lên án tính tiêu cực và loại trừ của châm ngôn đó. Theo ông, đây là một trong những nguyên nhân của thái độ trịch thượng và bất bao dung của Kitô giáo đối với các tôn giáo khác. Ông đề nghị nên thay đổi bằng một công thức khác: “Trong Giáo hội, có ơn cứu rỗi”, để cứu vãn yếu tố tích cực và tránh những hiểu lầm, ngộ nhận không cần thiết. Nhà thần học Yves Congar ôn hòa và trung dung hơn, cho rằng: “Từ nay công thức phải được xem như nhằm trả lời, không phải cho câu hỏi ai được cứu rỗi, mà cho câu hỏi đâu là yếu tố cần thiết để thực hiện sứ vụ cứu rỗi?”⁽³⁸⁾.

Từ Công đồng Vatican II, Giáo hội có những giải thích rất mới mẻ về các tôn giáo khác so với lập trường chuyên nhất trước đó như: mọi tôn giáo đều có hạt giống của Ngôi Lời⁽³⁹⁾; những ánh sáng của chân lý vốn soi rọi mọi người; thánh thần đem đến cho mọi người khả năng tham dự vào mầu nhiệm phục sinh, cách nào chỉ có Chúa mới biết⁽⁴⁰⁾.

- *Dung hòa tính duy nhất và tính phổ quát của Công giáo qua quan điểm thần học lấy Chúa Giêsu trong đường lối chung của ơn cứu rỗi*⁽⁴¹⁾: Đây là kết quả của việc chuyển từ lập trường thần học loại trừ và khép kín sang quan điểm bao hàm. Quan điểm này khẳng định, sự tồn tại đa

dạng của các tôn giáo khác, nhưng sự cứu rỗi chỉ có được khi có liên đới với Chúa Kitô. “Sự tập hợp các trung gian tiêu biểu và thuộc các trật tự khác nhau đều không bị loại trừ, nhưng những trung gian này rút ra ý nghĩa và giá trị của chúng duy nhất từ những trung gian của Đức Kitô và chúng không thể coi là song song hay mang tính bổ túc”⁽⁴²⁾. Đến năm 1996, sau bao suy tư của nhiều thần học gia, cuối cùng Ủy ban Thần học Quốc tế⁽⁴³⁾ cũng xác quyết lại, sự cứu rỗi có thể thực hiện ngoài Hội Thánh đối với những người sống theo lương tâm mình không còn phải là một đối tượng để tranh cãi.

Như đã trình bày, sự cứu rỗi ở các tôn giáo khác không thể có được một cách độc lập với Chúa Kitô và Hội Thánh của Ngài. Nó được xây dựng trên sự hiện diện phổ quát của Chúa Thánh thần, không thể tách rời ra khỏi mầu nhiệm phục sinh của Chúa Giêsu (LG, 22; RM, 10...). Một số bản văn của Công đồng Vatican II đặc biệt nói về những tôn giáo không phải là Kitô giáo như thế này: Những người chưa hề nhận biết Phúc âm được xếp đặt bằng nhiều cách để thuộc về Dân Chúa, và việc gia nhập các tôn giáo khác nhau dường như không phải không liên hệ đến những hậu quả của việc “xếp đặt” này (LG, 16). Người ta nhìn nhận rằng có những tia chân lý nơi các tôn giáo khác nhau, soi rọi mọi người (NA, 2), có những hạt giống của Lời Thiên Chúa (AG, 11). Có những yếu tố chân lý, ân sủng và thiện hảo không những nơi tâm hồn con người, mà còn thấy trong những lễ nghi và tập tục của các dân tộc, mặc dù tất cả cần phải được “thanh lọc, thăng hóa và đưa đến mức toàn hảo” (AG, 9; LG, 17). Nhưng nếu nói rằng, các tôn giáo tự mình có thể có một giá trị trong khuôn khổ của sự cứu rỗi, thì đó là một điểm còn cần bàn cãi⁽⁴⁴⁾.

Lập trường thần học lấy Chúa Kitô làm Đấng trung gian duy nhất của cứu rỗi vừa hạn chế được lập trường cực đoan của học thuyết lấy Giáo hội là trung tâm cứu rỗi trước Công đồng Vatican II, vừa đẩy lùi thuyết tương đối mà Giáo hội cho rằng cực đoan không kém xuất hiện sau Công đồng vốn cho rằng: Mọi tôn giáo có thể dẫn đến ơn cứu rỗi một cách hoàn toàn không lệ thuộc vào lịch sử cụ thể của sự cứu rỗi được hoàn tất nơi Chúa Kitô.

- *Các nguồn mạch thần học từ truyền thống và Kinh Thánh*: Giáo hội Công giáo sau Công đồng cho rằng, Hội thánh với sự huyền nhiệm và phổ quát về ơn cứu rỗi, được mang đến bởi Thiên Chúa nên tự thân nó đã

có nền tảng đối thoại⁽⁴⁵⁾. Đối thoại đã có từ xa xưa trong truyền thống của Giáo hội. Cần phải làm cho *Kinh Thánh* thấm nhuần hơn nữa trong các bối cảnh thần học phải đối diện. Với quan điểm này, các giải thích thần học, *Kinh Thánh* thường truy nguyên chứng minh về bản chất đối thoại của Công giáo với các quan điểm về Thiên Chúa ba ngôi, hay hành trạng đối thoại của Chúa Giêsu trong các sách Tin mừng, đặc biệt là dựa trên nền tảng các giao ước của Thiên Chúa với loài người⁽⁴⁶⁾, hay qua gương đối thoại của các thánh trong Giáo hội⁽⁴⁷⁾.

- *Vai trò phổ quát của Chúa Thánh thần*: Sau Công đồng, Giáo hội Công giáo được nhấn mạnh rất nhiều trong việc xác tín rằng, thần khí của Chúa Thánh thần tồn tại và hoạt động trong cũng như ngoài biên giới hữu hình của Giáo hội, bao gồm cả trong các tôn giáo khác. Người có nhiều đóng góp nhất trong việc nêu cao sự xác tín và phổ quát của Chúa Thánh thần là Giáo hoàng Gioan Phaolô II. Trong *Thông điệp Redemptor Hominis*, Giáo hoàng cho rằng, Chúa Thánh thần ở bên ngoài Giáo hội, nơi các tôn giáo khác: “Phải chăng nhiều khi lòng tin vững chắc của các thành phần những tôn giáo ngoài Kitô giáo, vốn cũng là hiệu quả của thánh thần chân lý tác động xa hơn những biên giới hữu hình của thân mình mâu nhiệm”. Còn trong *Thông điệp Dominum et Vivificatem* (ngày 18/05/1986), Giáo hoàng cho rằng, thần khí tác động không chỉ trên các cá nhân, mà còn trên các phương diện xã hội, lịch sử, trên các dân tộc, các nền văn hóa và tôn giáo nữa⁽⁴⁸⁾. Tức là, tác động hoàn vũ của thánh thần bao quát thế giới trước khi Chúa Kitô nhập thể qua thần khí và tác động ấy vẫn còn tồn tại tới hôm nay cũng như ngoài Giáo hội⁽⁴⁹⁾.

7. Một vài điểm mốc trong hành trình đối thoại liên tôn giáo của Giáo hội Công giáo

7.1. Hoạt động đối thoại của Tòa Thánh

Ngày 15/5/1964, Giáo hoàng Phaolô VI thành lập Văn phòng đặc trách cho những người ngoài Kitô giáo. Đến năm 1988, với *Tông hiến Pastor Bonus*, Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã đổi tên văn phòng này thành Hội đồng Giáo hoàng về đối thoại tôn giáo (Pontifical Council for the Interreligious dialogue).

Năm 1966, Giáo hoàng Phaolô VI đi hành hương ở Ấn Độ, nơi khai sinh ra Phật giáo và Ấn Độ giáo. Tại đây, Giáo hoàng được gọi là “ngôn

sứ của đối thoại liên tôn.” Năm 1972, khi tiếp Tăng thống Phật giáo Thái Lan tại Roma, Giáo hoàng nói: “Chúng tôi mong rằng việc đối thoại thân mật và sự hợp tác chặt chẽ giữa truyền thống mà quý vị đang đại diện và Giáo hội Công giáo sẽ mỗi ngày một lớn lên. Những cuộc tiếp xúc như thế giúp cho chúng ta thêm phong phú, và cũng giúp việc tiến triển hòa bình và công lý trong một thế giới, nếu muốn vượt qua những vấn đề nan giải, đang cần nhiều người sát cánh lại với nhau”⁽⁵⁰⁾.

Ngày 27/10/1986, Giáo hoàng Gioan Phaolô II tổ chức kêu gọi đại diện các tôn giáo trên thế giới tới Assisi (Italia) để cùng cầu nguyện cho hòa bình thế giới, đồng thời tạo điều kiện gặp gỡ và thông cảm giữa các tôn giáo. Đây được xem là biến cố trọng đại có tính cách mạng trong giáo triều của Giáo hoàng Gioan Phaolô II. Đó là cuộc gặp gỡ 130 vị lãnh đạo của các tôn giáo lớn trên thế giới cùng nhau cầu nguyện cho hòa bình thế giới⁽⁵¹⁾. Trong bài phát biểu của Giáo hoàng có đoạn: “Lần đầu tiên từ bốn phương trời chúng ta tụ họp nơi đây, quê hương của Thánh Phanxicô, thánh nhân của hòa bình. Là đại diện cho các tôn giáo toàn cầu, mọi người trong chúng ta với niềm tin thâm sâu của mình, làm chứng tá cho sự khao khát hòa bình và sự dẫn thân cho nền hòa bình thế giới. Đó là mối tương quan liên kết chúng ta và là tiếng gọi vang dội trong lương tâm mỗi chúng ta, vượt lên mọi khác biệt tín ngưỡng, cầu nguyện cho hòa bình thế giới: Đây là một vấn đề sinh tử”⁽⁵²⁾.

Ngoài ra, hằng năm hoặc nhiều năm một lần, tiếp nối truyền thống Assisi, Giáo hội Công giáo vẫn tổ chức những buổi gặp gỡ giao lưu giữa tôn giáo và các tôn giáo khác ở cấp cao trong một số quốc gia. Chẳng hạn, tháng 9/1992, các giám mục Châu Âu tổ chức Đại hội liên tôn giáo tại Russelle (Bi). Tháng 4/1994, Liên Hội đồng Giám mục Châu Á tổ chức một hội nghị mang tính cách đối thoại giữa Phật giáo và Kitô giáo nhằm xây dựng sự hài hòa trên thế giới tại Thái Lan. Tháng 9/1995, tại Bombay (Ấn Độ), một hội nghị tương tự được tổ chức giữa Ấn Độ giáo và Kitô giáo⁽⁵³⁾. Tháng 11/1996, tại Bỉ, một hội nghị bàn thảo về vấn đề đối thoại liên tôn giáo được tổ chức. Năm 1999, trước thềm thiên niên kỷ thứ 3, tại Roma, trên 200 đại biểu tôn giáo thế giới lại gặp nhau tại Quảng trường Thánh Phêrô để hiệp thông cầu nguyện. Ngày 24/02 /2002, tại Assisi, đại diện các tôn giáo nhóm họp lại cầu nguyện cho hòa bình và hòa giải giữa các dân tộc tôn giáo.

Đối thoại liên tôn giáo và đại kết cũng là điểm nhấn của chuyến tông du tại Đức các ngày 22 - 25/09/2011 của Giáo hoàng Benedicto XVI. Tại đây, Giáo hoàng đã gặp gỡ liên tôn giáo với đại diện của cộng đồng Do Thái giáo và Islam giáo; gặp gỡ đại kết với đại diện của cộng đồng Chính Thống giáo và Tin Lành Luther. Trong đó, cuộc gặp gỡ của Giáo hoàng với Tin Lành Luther vào ngày thứ hai của chuyến thăm tại Đức được thế giới chú ý nhiều nhất. Tại cuộc gặp gỡ này, Giáo hoàng đã có hai bài diễn văn quan trọng trình bày nền tảng đích thực của việc đại kết Kitô giáo. Tiếp đến, ngày 27/10/2011, Giáo hoàng cùng nhà lãnh đạo các tôn giáo gặp nhau tại Assisi như một cuộc hành hương vì hòa bình, nhân kỷ niệm cuộc gặp gỡ liên tôn giáo đã diễn ra cùng ngày 25 năm trước theo sáng kiến của Giáo hoàng tiền nhiệm Gioan Phaolô II.

7.2. Hoạt động đối thoại của Liên Hội đồng Giám mục Châu Á

Văn phòng Liên tôn giáo và Đại kết của Liên Hội đồng Giám mục Châu Á được thành lập từ năm 1974, nhưng mãi đến 1978 mới bắt đầu chuẩn bị cho các hội nghị của giám mục về những vấn đề liên quan đến đối thoại liên tôn giáo và đưa vào trong nghị trình làm việc. Liên Hội đồng Giám mục Châu Á đã giao cho Văn phòng các vấn đề tôn giáo (BIRA: Bishop Intitute for Religious Affrairs) và Văn phòng Liên tôn giáo và Đại kết tổ chức các hội nghị riêng biệt dành cho các giám mục thuộc các quốc gia có liên hệ trực tiếp tới 3 tôn giáo lớn tại Châu Á là Phật giáo, Ấn Độ giáo và Islam giáo.

Về lý thuyết, các khóa họp của các giám mục phụ trách các vấn đề tôn giáo và đại kết (BIRA) đã chú tâm đối thoại với tín đồ Islam giáo, Phật giáo và Ấn Độ giáo. BIRA lần I, tháng 10/1979, bàn về việc đối thoại với Phật giáo. BIRA lần II, tháng 11/1979, bàn về lý thuyết đối thoại với Islam giáo. BIRA lần III, tháng 11/1982, bàn về lý thuyết đối thoại với Ấn Độ giáo.

Văn phòng Liên tôn giáo và Đại kết chuẩn bị tổ chức chức các hội nghị, hội thảo về đối thoại liên tôn giáo nhằm đào luyện những người có trách nhiệm điều phối việc đối thoại (linh mục, tu sĩ và giáo dân) thích hợp cho chính các cộng đoàn của họ. Chẳng hạn, các chuyên đề về vấn đề liên tôn giáo được tổ chức các năm 1980 và 1982 đều nhấn mạnh đến việc đào tạo những chuyên viên có khả năng và trách nhiệm đối thoại,

đặc biệt yêu cầu các đại chủng viện và trung tâm mục vụ phải làm cho mọi người thấm nhuần tinh thần đối thoại.

Tiếp đến, Liên Hội đồng Giám mục Châu Á đã tổ chức 12 hội nghị về “thần học đối thoại” nhằm tìm kiếm nền tảng thần học cho công cuộc đối thoại liên tôn giáo.

Về thực hành, Liên Hội đồng Giám mục Châu Á thúc đẩy thực hành đối thoại với Islam giáo, Phật giáo, Ấn Độ giáo, Đạo giáo và Khổng giáo theo hướng phát triển thần học về sự hài hòa trong bối cảnh Châu Á. Các hội nghị giám mục về liên tôn giáo từ năm 1992 đến năm 1996 đều có sự tham gia của đại diện các tôn giáo nêu trên.

Bên cạnh đó, việc đào tạo về đối thoại liên tôn giáo đặc biệt được chú trọng, mở rộng ra mọi thành phần Dân Chúa chứ không chỉ riêng chức sắc Công giáo. Văn phòng Liên tôn giáo và Đại kết đã tổ chức 5 khóa học về đào tạo đối thoại liên tôn giáo từ năm 1990 đến năm 2004.

8. Sự tồn tại của xu hướng đối thoại liên tôn giáo

Đối thoại liên tôn giáo của Giáo hội Công giáo được khai mở từ Công đồng Vatican II và tiếp tục được thúc đẩy cho đến ngày hôm nay cho thấy rõ đây là một xu hướng liên tục và là mối quan tâm đặc biệt của Giáo hội. Những gì đạt được rất đáng trân trọng, dù vậy trong đối thoại, Giáo hội vẫn phải đối mặt với nhiều bộn bề của thực tại.

Nếu như ngọn đèn Assisi được Giáo hoàng Gioan Phaolô II khởi xướng trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh đạt tới đỉnh điểm, nguy cơ vũ khí hạt nhân đe dọa nhân loại. Ngọn đèn đó như một biểu tượng của hòa bình, thì suốt ba thập kỷ qua, ngay cả khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, thế giới vẫn chưa được yên bình. Các yếu tố bạo lực, giết chóc, chiến tranh vẫn có xu hướng gia tăng, đặc biệt vụ đánh bom ngày 11/09/2001 tại Mỹ đã cảnh tỉnh mọi người rằng có sự can dự của yếu tố tôn giáo. Không thể phủ nhận tôn giáo là một trong những tác nhân của sự xáo trộn, tranh chấp và cả cuồng tín, trong khi các giáo lý của hầu hết các tôn giáo lại không thiếu những điều khích lệ hòa bình. Liệu có thể có hòa bình khi chiến tranh vẫn leo thang đẫm máu nhiều nơi, khi sự hiểu biết về tôn giáo khác còn đại khái, khi đức tin vẫn chỉ là những giá trị trường tồn mà ai cũng muốn chứng minh hay giành giật. Đặc biệt khi các tôn giáo vẫn còn dè dặt và lo sợ bị “đánh cắp” các “độc quyền” về giải thoát và cứu rỗi.

Trong bối cảnh đó, các cuộc đối thoại vì hòa bình và để hiểu nhau lại càng đặt ra cấp thiết hơn bao giờ hết.

Nếu như trong suốt thiên niên kỷ đầu, Kitô giáo hiện diện là một Giáo hội thống nhất về thể chế và sự hợp nhất các kitô hữu, tức là một Hội thánh chưa bị chia rẽ, một Hội thánh phổ quát, thì thiên niên kỷ thứ hai chính Giáo hội Kitô lại chứng kiến sự hiệp thông ấy bị đổ vỡ, mà trước tiên là cuộc đổ vỡ Đông - Tây. Rồi vào thế kỷ XVI, khi cuộc chống đối của Luther tại Đức dẫn đến sự xuất hiện của Tin Lành tạo thành cuộc chia rẽ mới trong sự hiệp nhất của Giáo hội tại Phương Tây. Từ sau Công đồng Vatican II, Giáo hội Công giáo muốn làm một công việc rất khó khăn là phục hồi sự hiệp nhất các Hội thánh đã chia cắt từ trong quá khứ. Công việc tiến hành hơn 50 năm qua cho Giáo hội nhiều hi vọng, nhưng cũng cho thấy đây là công việc còn nhiều chông gai và ngổn ngang. Trên tinh thần đạt tới mục đích của sự đại kết đó, một khâu trung gian trong lộ trình tiến tới hòa giải và hiểu nhau không thể thiếu được là đối thoại liên tôn giáo.

Công giáo có nguồn gốc từ Châu Á, nhưng lại định hình và tồn tại vững chắc trong bối cảnh văn hóa xã hội Châu Âu. Những nền tảng truyền thống của Châu Âu đã khiến Công giáo hiện diện gần như là một cái gì đó độc nhất và duy nhất, bởi vì bản thân như huấn quyền đã xác tín “ngoài Giáo hội không có ơn cứu rỗi”. Nhiều thế kỷ trôi qua, điều này gắn vào Giáo hội như là một “căn tính”, nhưng cũng chính là nhược điểm khi thời kỳ công nghiệp phát triển với sự trỗi dậy của truyền thông và công nghệ. Trong bối cảnh đó, cộng với trào lưu thế tục hóa, sự khép mình cố thủ bảo lưu với truyền thống xưa không còn là giải pháp ổn thỏa. Cuối thế kỷ XX đến nay đã chứng kiến hai xu hướng khiến Giáo hội không thể không suy nghĩ tăng cường thêm về công việc đối thoại. *Thứ nhất*, hiện tượng mờ nhạt và suy giảm niềm tin đối với tôn giáo của Châu Âu⁽⁵⁴⁾. *Thứ hai*, đồng thời với nó gần như một trào lưu ngược lại được mô tả là sự “tái cấu trúc” tôn giáo tại Châu Âu do sự bùng dậy các căn tính tôn giáo đến từ Châu Á.

Từ cuối thế kỷ XX đến nay, người ta chứng kiến một sự chuyển đổi lớn về địa tôn giáo. Trong khi Công giáo ở Châu Âu và Bắc Mỹ có chiều hướng ứ đọng lại, thì người ta lại ngỡ ngàng trước sự gia tăng to lớn của các tín hữu bên Châu Phi và Châu Á. Tại hai châu lục này, số tín đồ Công

giáo năm 2000 đã tăng gấp 3 lần năm 1970. Riêng ở Châu Phi, Công giáo phát triển nhanh nhất. Lục địa đen này trong một tương lai khá gần có thể vượt qua Châu Mỹ Latinh trong khi đây là lục địa Công giáo đầu tiên của thế giới. Cuộc di chuyển này sẽ đụng tới những vùng đất có nhiều tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống khác biệt với truyền thống của Châu Âu. Và tất nhiên, nền tảng Kitô giáo đôi khi gặp phải những chống đối kiên cường của các truyền thống này. Khi đó, những yếu tố của công cuộc đối thoại và việc nghiên cứu một nền thần học có tính đa nguyên tôn giáo là không thể thiếu. Giáo hội tại các châu lục này nên diễn tả một đời sống Hội thánh và đức tin theo các nền văn hóa bản địa, làm sao để tính phổ quát và riêng biệt địa phương đạt được thế quân bình quân hơn là điều mà các nhà đối thoại liên tôn giáo và hội nhập văn hóa cần phải tiếp tục cân nhắc tính đến.

Đã có thời kỳ, ở Châu Âu, tôn giáo được hiểu là Công giáo. Nhưng với xu hướng thế tục hóa và toàn cầu hóa, Công giáo chỉ là một trong nhiều lựa chọn khác nhau về niềm tin tôn giáo của không ít cộng đồng.

Đồng thời, như đã phân tích, sự dịch chuyển địa tôn giáo về hướng nam và gia tăng ở Châu Phi và Châu Á là do tăng dân số tự nhiên, hay do các dân tộc tại khu vực này đang trong thời kì kém phát triển, hoặc do thành quả tích cực và nỗ lực chủ quan của Giáo hội Công giáo trong công việc loan báo Tin mừng? Rõ ràng yếu tố thứ nhất vẫn là chủ đạo. Như vậy, cốt lõi của sự phát triển Hội thánh tại các nơi này liên quan đến truyền giáo. Khi đó, trong những khu vực đa tín ngưỡng, văn hóa và tộc người thì truyền giáo và đối thoại là công việc đồng thời. Do đó, Giáo hội đã chủ trương ba cánh cửa của đối thoại ở Châu Á gồm: đối thoại với người nghèo, đối thoại với các nền văn hóa, đặc biệt là đối thoại với các tôn giáo. Nhìn chung, hành trình loan báo Tin mừng muốn phát triển thì đối thoại liên tôn là một yếu tố quyết định tới sự thành bại của hành trình đó.

Đối thoại và rao truyền là hai nội dung được xem là căn cốt của Giáo hội. Nhưng khi đối thoại tàng ẩn trong đó tính cách truyền giáo đã gây ra những nghi kị, ngờ vực và thiếu thiện chí từ những tôn giáo, truyền thống văn hóa khác mà Công giáo đang muốn đối thoại. Đặc biệt, đối thoại được trộn lẫn các yếu tố tục hóa và chính trị thì tiếng nói đồng thuận rất khó tìm kiếm. Đây vẫn là thách đố lớn của việc đối thoại và truyền giáo của Giáo hội, cũng như thần học Công giáo cho đến ngày hôm nay.

Lý giải việc dân số Công giáo chiếm tỷ lệ rất khiêm tốn tại Châu Á, nhà thần học Felix Wilfred, người Ấn Độ, cho rằng, tính cách “nước ngoài” đã là một đặc trưng của tất cả các Giáo hội Công giáo địa phương tại Châu Á. Tính cách “nước ngoài” cũng không phải do sự kiện Công giáo tuyên xưng một đức tin khác. Các dân tộc Châu Á luôn tiếp nhận và tôn trọng tính đa dạng. Lý do chính khiến Công giáo bị coi xa lạ vì các Giáo hội địa phương tại các nước Châu Á nhìn chung đã tách rời xu hướng sống của dân tộc, lịch sử, các cuộc đấu tranh và mơ ước của người dân; không tự đồng hóa mình với dân tộc, mặc dù đã thực hiện nhiều công trình có giá trị nhân danh đức bác ái.

Còn trong bài viết *Đi tìm một cách thể hiện diện mới của Giáo hội tại Châu Á*, Giám mục Phụ tá Tổng Giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh Nguyễn Văn Khảm cho rằng: “Kitô giáo được xem là sản phẩm của quyền lực và văn hóa Phương Tây, xa lạ với văn hóa và đời sống của người dân Châu Á, do đó không thu hút được nhiều người dù đã hiện diện ở đây rất lâu”. Chính trong bối cảnh đó mà Liên Hội đồng Giám mục Châu Á đã và đang thúc đẩy việc xây dựng một thể hiện diện mới của Giáo hội tại Châu Á. Để xây dựng một thể hiện diện mới tại lục địa này, trước hết phải làm sao xây dựng Giáo hội thực sự trở thành một Giáo hội địa phương, một Giáo hội ăn sâu vào thực tại đời sống của các dân tộc Châu Á “một Giáo hội nhập thể trong một dân tộc, một Giáo hội bản địa, một Giáo hội nhập thể trong một nền văn hóa”. Cùng với nó là xây dựng Giáo hội đối thoại, hiệp thông và Giáo hội tham gia⁽⁵⁵⁾.

9. Đôi điều về đối thoại liên tôn giáo của Công giáo Việt Nam

Ở Việt Nam, hoạt động đối thoại liên tôn giáo của Hội đồng Giám mục Việt Nam vừa cũ, vừa mới, vừa lạ. Cũ, bởi ngay sau biến cố Phật giáo năm 1963 tại Miền Nam Việt Nam, một hội đồng liên tôn giáo đã được thành lập vào năm 1964, do sáng kiến của các giám mục, nhanh chóng được các tôn giáo khác ủng hộ và tham gia. Mục đích của hội đồng này nhằm tìm kiếm hòa bình giữa các tôn giáo và chấm dứt chiến tranh tại Việt Nam. Ngày 15/09/1966, Giáo hoàng Phaolô VI đã gửi một sứ điệp khích lệ hội đồng liên tôn giáo này⁽⁵⁶⁾. Tại sao tinh thần đối thoại liên tôn giáo ở Miền Nam sớm vậy, thậm chí khi Công đồng Vatican II chưa kết thúc? Theo chúng tôi có mấy lý do chính sau đây: *Thứ nhất*, do bối cảnh của biến cố Phật giáo năm 1963 đã đòi hỏi một nhu cầu hòa giải

đối thoại từ phía Công giáo. *Thứ hai*, tinh thần Công đồng Vatican II lan tỏa khá sớm vào Miền Nam và được phổ biến bởi một số linh mục và trí thức Công giáo sống trực tiếp trong tinh thần đó. *Thứ ba*, do sự ủng hộ của Tổng Giám mục Sài Gòn Nguyễn Văn Bình.

Đến đầu thập niên 70 của thế kỷ XX, trong phong trào Hưng Giáo Văn Đông tại Sài Gòn, một phong trào khơi dậy các yếu tố văn hóa Phương Đông và nhập thể Công giáo vào nếp sống tư tưởng Việt Nam, do Linh mục Hoàng Sỹ Quý⁽⁵⁷⁾ khởi xướng đã thúc đẩy thêm phong trào đối thoại liên tôn giáo tại Miền Nam. Thực sự đây là một sự nhạy bén nhanh chóng nhằm cổ vũ cho việc hội nhập của Công giáo vào văn hóa Việt Nam trong bối cảnh phải đối diện với sự đa dạng của các tôn giáo, tín ngưỡng trên đất Việt.

Những sáng kiến của Linh mục Hoàng Sỹ Quý được một số nhân vật danh tiếng trong giáo quyền và trong thần học quốc tế như nhà thần học Henri De Lubac ủng hộ. Ngoài ra, những tuần tĩnh tâm bằng phương pháp Phương Đông của vị linh mục này trong một số tu viện cũng rất được hoan nghênh. Phong trào Hưng Giáo Văn Đông đã mở nhiều lớp như lớp Triết giáo (Triết lý đối chiếu tôn giáo) và Thời Việt (Thời đại và Việt tính). Đặc biệt, đến năm 1971, vị linh mục này đã xuất bản cuốn sách *Vấn đề đối thoại tôn giáo*⁽⁵⁸⁾ được Tổng Giám mục Sài Gòn Nguyễn Văn Bình viết đề tựa. Tập sách này là một trong những bài giảng giá trị của những lớp kể trên. Trong đó, Linh mục Hoàng Sỹ Quý muốn xây dựng việc đối thoại tôn giáo một căn bản thần học vững chắc, và muốn rằng, việc đối thoại ấy phải được thực hiện ngay trên những bình diện tôn giáo.

Như vậy, rõ ràng việc đối thoại liên tôn giáo có rất sớm ở Việt Nam, thậm chí trước khi Công đồng Vatican II bế mạc. Nhưng nó cũng rất mới, vì phong trào đối thoại liên tôn giáo vừa được tái lập gần đây và duy nhất có tại Tổng Giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 5/12/2009, với các mục đích:

- Đối thoại liên tôn giáo là một hoạt động mục vụ mới trong đời sống Hội thánh tại Việt Nam. Ban Mục vụ Đối thoại liên tôn giáo quy tụ những Kitô hữu tha thiết và muốn dẫn thân trong việc tìm hiểu, gặp gỡ các tín đồ thuộc tôn giáo khác, theo hướng dẫn của Hội thánh Công giáo, nhằm thực hiện giáo huấn của Công đồng Vatican II (Nostra Aetate).

- Học hỏi giáo huấn và kinh nghiệm của Hội thánh về đối thoại liên tôn giáo, đồng thời tìm hiểu giáo thuyết và thực hành của các cộng đồng tôn giáo lớn đang có mặt trong giáo phận.

- Thăm viếng, tiếp xúc và trao đổi với các tín đồ tôn giáo khác để xây dựng tình bằng hữu, huynh đệ, gia tăng hiểu biết lẫn nhau, và nếu có thể được, cộng tác với nhau trong lĩnh vực từ thiện và ích lợi cộng đồng.

- Tổ chức và sinh hoạt các cuộc gặp gỡ liên tôn giáo. Đây là cơ hội để trao đổi kinh nghiệm sống đạo và chia sẻ niềm tin Kitô giáo cho người khác đạo.

- Suru tâm và chia sẻ kinh nghiệm gặp gỡ liên tôn giáo cũng như hiểu biết về các tôn giáo khác. Phổ biến thời sự và tài liệu liên quan đến mục vụ đối thoại liên tôn giáo.

- Đào tạo chuyên ngành mục vụ đối thoại liên tôn: Ngoài các hình thức và tổ chức nêu trên, nhằm đào tạo những Kitô hữu có hiểu biết và khả năng đối thoại với tín đồ các tôn giáo khác, cùng giúp những gia đình mà vợ chồng khác niềm tin tôn giáo được sống hài hòa và cảm thông với nhau. Học viện Mục vụ Tổng Giáo phận có chương trình đào tạo ngành mục vụ đối thoại liên tôn giáo gồm ba lớp: Kitô giáo và các tôn giáo; giáo huấn của Giáo hội về đối thoại liên tôn giáo; thực hành đối thoại liên tôn giáo⁽⁵⁹⁾.

Vậy tại sao đối thoại liên tôn giáo của Công giáo tại Việt Nam mang tính lạ, vì nhiều người chưa hề nghe thấy mấy từ này, đặc biệt với đồng bào Công giáo ở Miền Bắc. Do bối cảnh lịch sử không sống trong tinh thần Công đồng Vatican II, nên họ lại càng lạ với đối thoại liên tôn giáo hơn bao giờ hết. Sau này, dù hội nhập hai miền Nam Bắc, tinh thần đối thoại liên tôn giáo của Công đồng Vatican II có phổ biến ra Miền Bắc, nhưng chỉ dừng ở việc in ấn các văn kiện, tức chỉ dừng ở con chữ và các lý thuyết trừu tượng. Người Công giáo ở Miền Bắc vĩnh viễn bị lỡ đi cơ hội sống trong không khí của Công đồng nên bầu không khí đối thoại liên tôn giáo có vẻ càng khó bén rễ và thâm nhập vào trong họ. Chúng ta dễ thấy điều này trong cuộc sống giữa làng lương và làng giáo, đặc biệt đặt trong bối cảnh đa dạng tôn giáo tín ngưỡng tại Việt Nam hiện nay, dù sống cận kề tín đồ các tôn giáo khác nhau, nhưng số giáo dân, kể cả tu sĩ, linh mục thật sự quan tâm đến việc đối thoại liên tôn giáo và dần thân vào công cuộc này còn rất khiêm tốn.

Đâu là nguyên do khiến tinh thần và thực hành đối thoại liên tôn giáo của Công giáo tại Việt Nam chưa được khai triển rộng rãi? Theo Linh mục Bảo Lộc thì có nhiều lý do, chẳng hạn như: Mối tương quan mang tính cạnh tranh hay đối đầu trong quá khứ giữa tín đồ khác tôn giáo. Thái độ tự đắc, hãnh diện hay kỳ thị tôn giáo trong tâm thức của không ít người Công giáo. Hoàn cảnh chính trị - xã hội đặc thù của Việt Nam và sự tồn đọng của quan điểm tiêu cực về các tôn giáo ngoài Kitô giáo. Tính cách mới mẻ của việc đối thoại liên tôn giáo, sự hiểu biết còn giới hạn về các tôn giáo khác, v.v...⁽⁶⁰⁾. Tổng hợp những nguyên nhân ấy đã gây ra một tình trạng chậm đối thoại hay không muốn đối thoại. Tất nhiên, chúng ta cũng cần phải cân nhắc lý do trên từ những khiếm khuyết của cơ chế và chính sách. Linh mục Nguyễn Hồng Giáo cho rằng, trong bối cảnh chính trị tại Việt Nam hiện đại, hai chữ “liên tôn” đã có lúc bị gán cho một ý nghĩa (ý đồ) chính trị không tốt. Điều này lại càng làm cho các tôn giáo ngại ngần khi bàn tới đối thoại liên tôn giáo. “Ở Việt Nam, trong tâm tâm hình như người Công giáo chúng ta vẫn duy trì cách suy nghĩ “tiên Công đồng” cho rằng mình có đạo thật nên chẳng có gì phải học hỏi với ai, cho dù ta không còn coi các tôn giáo khác là “bụt thần ma quỷ” như xưa nữa”. Vị linh mục này cho rằng, người Công giáo ở Việt Nam vẫn còn thái độ tự mãn và coi thường các tôn giáo khác. Đó chính là những cản trở của việc đối thoại liên tôn giáo⁽⁶¹⁾.

Làm thế nào để dẫn thân vào việc đối thoại liên tôn giáo và cả đối thoại với người ngoài Công giáo⁶² một cách có tiến triển tại Việt Nam? Thiết nghĩ người Công giáo Việt Nam cần hiểu biết ý nghĩa thần học của việc đối thoại này. Đồng thời, họ cũng nên học hỏi và tìm hiểu đường hướng và chỉ dẫn của Giáo hội về đối thoại liên tôn giáo. Phải chăng, một thái độ cần thiết của các bên tham gia đối thoại là, nên gạt bỏ khỏi đầu những định kiến về nhau, cùng hướng tới tương lai tốt đẹp./.

CHÚ THÍCH

- ¹. Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Tin Lành đã từng tổ chức các cuộc đối thoại liên tôn giáo và đại kết. Xem trong Bruno Chenu và Marcel Neusch (Nguyễn Thị Chung dịch, 2006), *Thiên Chúa ở thế kỉ XXI*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 462 - 464.
- ². Xin xem *Thánh Công đồng chung Vaticanô II*, Phân khoa Thần học, Giáo hoàng Học viện Thánh Pio X xuất bản, Đà Lạt, 1972: 456.

- ³. Dẫn theo Linh mục Bảo Lộc, “Mục vụ đối thoại liên tôn”, trong *Tinh thần Assisi*, Kỷ yếu hội thảo tại Trung tâm Mục vụ Sài Gòn, ngày 27/17/2011, lưu hành nội bộ: 87.
- ⁴. Dẫn theo Linh mục Nguyễn Hồng Giáo, “Sống tinh thần Assisi”, trong *Tinh thần Assisi*, Kỷ yếu hội thảo tại Trung tâm Mục vụ Sài Gòn, ngày 27/17/2011, lưu hành nội bộ: 150.
- ⁵. Thuật ngữ này được chính Giáo hoàng Gioan XXIII sử dụng.
- ⁶. *Hiến chế Lumen Gentium* (Ánh sáng muôn dân), *Gaudium et Spes* (Vui mừng và hi vọng), *Sắc lệnh Ad gentes* (về hoạt động truyền giáo của Giáo hội), *Tuyên ngôn Nostra Aetatae* (về mối tương quan của Hội thánh với các tôn giáo ngoài Công giáo), *Tuyên ngôn Dignitatis humanae* (về tự do tôn giáo).
- ⁷. Lịch sử của văn kiện này rất phức tạp. Ban đầu, ước muốn của Giáo hoàng Gioan XXIII là Công đồng Vatican II phải bao gồm một tuyên bố về các mối quan hệ giữa Công giáo và Do Thái giáo mà từ nguyên thủy đã là một phần sắc lệnh về đại kết (hợp nhất). Sau này, các giám mục quyết định phải chuẩn bị một tuyên bố riêng về các mối quan hệ giữa Công giáo và Do Thái giáo. Cuối cùng, tuyên bố về Công giáo - Do Thái giáo đã được mở rộng ra, bao gồm cả các tôn giáo trên thế giới. Xem toàn bộ nội dung bản tuyên ngôn này trong *Thánh Công đồng Vaticanô II*, Phân khoa Thần học, Giáo hoàng Học viện Thánh Pio X xuất bản, Đà Lạt, 1972: 469 - 474.
- ⁸. Chúng tôi sử dụng cách trích dẫn *Kinh Thánh* và các văn kiện phổ biến của Giáo hội. Chẳng hạn (NA, 1) được hiểu trích từ *Tuyên ngôn Nostra Aetatae* (viết tắt NA), số 1. Vì *Kinh Thánh*, các văn kiện và Thư chung của Giáo hội Công giáo đều đánh số. Trong bài viết này, chúng tôi quy ước một số tài liệu viết tắt trong trích dẫn sau: LG. là *Hiến chế Lumen Gentium* (Ánh sáng muôn dân) văn kiện Công đồng Vatican II; GS. là *Hiến chế Gaudium et Spes* (Vui mừng và hi vọng) văn kiện Công đồng Vatican II; AG. là *Sắc lệnh Ad gentes* (về hoạt động truyền giáo của Giáo hội) văn kiện Công đồng Vatican II; NA. là *Tuyên ngôn Nostra Aetatae* (về mối tương quan của Hội thánh với các tôn giáo ngoài Công giáo) văn kiện Công đồng Vatican II; DH. là *Tuyên ngôn Dignitatis humanae* (về tự do tôn giáo) văn kiện Công đồng Vatican II. Ngoài ra, trong bài viết này, chúng tôi cũng trích từ các văn kiện: MR. là *Tông thư Sứ vụ Đấng Cứu Thế* (Missio Redemptoris), 1991; EA. là *Tông huấn Giáo hội tại Châu Á* (Ecclesia in Asia), 1999; DM. là *Tông thư Đối thoại và truyền giáo* (Dialogue and Mission), 1984; DV. là *Thông điệp về Chúa Thánh thần* (Dominum et vivificatem), 1986.
- ⁹. Tham khảo thêm *Bản tin Hiệp thông*, số 67, tháng 9 và 10/2011: 12 - 13.
- ¹⁰. Xem: *Bản tin Hiệp thông*, số 67, tháng 9 và 10/2011: 16.
- ¹¹. Trích theo *Bản tin Hiệp thông*, số 67, tháng 9 và 10/2011: 18.
- ¹². Trích theo *Bản tin Hiệp thông*, số 67, tháng 9 và 10/2011: 20.
- ¹³. Xem thêm Nữ tu Mai Thành (2010), *Cầu vồng liên tôn*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 44-45; NCK, *Đối thoại tôn giáo*, in nội bộ, tháng 1/2009: 40 - 45.
- ¹⁴. Giao lưu hữu nghị, trao đổi chuyện trò, thăm viếng nhau với sự cảm thông, giúp đỡ nhau khi có nhu cầu, để sống tình huynh đệ chân thành.

15. Hoạt động về các mặt nhân đạo, bác ái, xã hội, y tế, kinh tế... xây dựng công lý hòa bình. Mẫu đối thoại này ngày càng lan rộng ở Châu Á như Thái Lan, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản.
16. Đối thoại bằng tìm hiểu tín lý, giáo thuyết, nguồn gốc lịch sử, chiều kích cứu rỗi, những nét đặc thù của mỗi tôn giáo. Cuộc đối thoại này gồm cả việc nghiên cứu bài bản giữa các chuyên gia tôn giáo để khám phá chiều sâu, chiều rộng những nét tương đồng hay dị biệt giúp bổ sung cho nhau.
17. Ví dụ như cầu nguyện, những ân sủng được cảm nghiệm, niềm vui, bình an, khát vọng. Những chia sẻ này giúp người trong cuộc gần gũi thân mật, hiệp thông với nhau và càng tôn trọng niềm tin phẩm giá của nhau. Chẳng hạn năm 1993, Văn phòng Đặc trách về Tôn giáo của Hội đồng Giám mục Châu Á tổ chức ở Sampharan, Thái Lan một cuộc gặp gỡ “Phật giáo và Kitô giáo cùng nhau xây dựng một thế giới hòa hảo”. Các vị tu sĩ của Phật giáo và Công giáo cùng trao đổi với nhau những kinh nghiệm sống đạo.
18. Tên tiếng Anh là The Federation of Asian Bishop’ Conference, viết tắt là FABC.
19. Nữ tu Mai Thành (2010), *Cầu vồng liên tôn*, sách đã dẫn: 41.
20. Tên tiếng Anh là Office of Ecumenical and Interreligious Affairs, viết tắt là OEIA.
21. Xem thêm các luận điểm của hai xu hướng này trong tài liệu *Kitô giáo và các tôn giáo khác* của Ủy ban Thần học Quốc tế công bố năm 1997, Nguyễn Đắc Trúc dịch, số 4.
22. James Fredericks (Nguyễn Thế Minh dịch, 2011), “Giáo hội Công giáo với những lối bước trong các tôn giáo khác”, trong *Hợp tuyển thần học*, số 47, năm thứ 20, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 44.
23. James Fredericks (Nguyễn Thế Minh dịch, 2011), “Giáo hội Công giáo với những lối bước trong các tôn giáo khác”, trong *Hợp tuyển thần học*, số 47, năm thứ 20, sách đã dẫn: 45 - 46.
24. Bruno Chenu và Marcel Neusch (Nguyễn Thị Chung dịch, 2006), *Thiên Chúa ở thế kỉ XXI*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 484-485.
25. Linh mục Nguyễn Thái Hợp, OP. (2004), *Đường vào thần học về các tôn giáo*, tái bản lần thứ nhất, Định hướng Tùng thư xuất bản, Centre de Recherches Religieuses André Phú Yên, France: 51-52.
26. Có thể tìm thấy dấu ấn ảnh hưởng luận điểm thần học về các tôn giáo của Jean Daniélou để lại trong các văn kiện Công đồng Vatican II. *Sắc lệnh về hoạt động truyền giáo của Giáo hội* (Ad gentes) đề cập đến các con đường tôn giáo khác như là những nỗ lực qua đó con người “đi tìm Thiên Chúa, dò dẫm kiếm tìm Người may ra gặp được Người... và như là những “sáng kiến” nhân loại “cần được soi sáng và thanh lọc” bởi Phúc Âm. Dù vậy, những lối bước các tôn giáo khác không phải là xấu hoặc không xứng đáng để có thể “đôi lúc đóng vai sự phạm hướng lối về phía Thiên Chúa chân thật, hoặc làm bước chuẩn bị dọn đường cho Phúc Âm” (Adgentes số 3, xem thêm *Lumen gentium*, số 23). Cũng có thể thấy dấu ấn ảnh hưởng thần học tôn giáo của Karl Rahner trong các văn kiện của Công đồng Vatican II. Cách hiểu của Karl Rahner về việc ơn thánh hiện diện ở khắp nơi trùng khớp với nội dung

Gaudium et spes, số 22: “Qua việc nhập thể, một cách nào đó, con Thiên Chúa liên kết chính mình với mỗi con người”. Ở một đoạn sau của cùng một số trung dẫn, sau khi nhận định Kitô hữu là người được sáp nhập vào trong mầu nhiệm phục sinh, và như thế được thông phần vào mầu nhiệm phục sinh của Chúa Kitô, văn kiện giải thích: “Điều đó được ứng dụng không những cho người Kitô mà thôi, nhưng còn cho hết thảy những người thiện chí, có ơn thánh thâm kín hoạt động trong tâm hồn”. Trong *Ad gentes*, số 3, cũng thấy một đoạn khác củng cố cho dạng thần học tôn giáo của Karl Rahner. Văn kiện xác định: “Toàn bộ kế hoạch Thiên Chúa đề ra để cứu rỗi nhân loại đã được thực hiện không chỉ một cách sâu kín nơi tâm hồn con người”. Những lời khẳng định như thế không cần phải giải thích gì hơn nữa. Đường hướng của Karl Rahner nhìn nhận ơn thánh hoạt động và tác động hiệu nghiệm trong đời sống của cả những người không Kitô giáo.

27. James Fredericks (Nguyễn Thế Minh dịch, 2011), “Giáo hội Công giáo với những lối bước trong các tôn giáo khác”, trong *Hợp tuyển thần học*, số 47, năm thứ 20, sách đã dẫn: 36.
28. James Fredericks (Nguyễn Thế Minh dịch, 2011), “Giáo hội Công giáo với những lối bước trong các tôn giáo khác”, trong *Hợp tuyển thần học*, số 47, năm thứ 20, sách đã dẫn: 37.
29. Chẳng hạn, trong văn kiện *Dominus Iesus*, năm 2000, ngoài việc khẳng định quan điểm chính thống của Giáo hội trong nhìn nhận về thần học các tôn giáo, còn trích dẫn lại các quan điểm thần học của Daniélou. Mặt khác, khi nó ra đời đã gây lên một làn sóng tranh luận, đã có quan điểm lên tiếng rằng, văn kiện này như là một sự đi ngược lại các quan điểm của Công đồng Vatican II về các tôn giáo.
30. Xem thêm chủ đề này trong *Hợp tuyển thần học*, số 47, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2011.
31. Xem thêm “Thần học về các tôn giáo trong viễn tượng đa nguyên tôn giáo”, trong *Thời sự Thần học*, số 21, tháng 09/2000: 61- 69.
32. Linh mục Nguyễn Thái Hợp, OP. (2004), *Đường vào thần học về các tôn giáo*, tái bản lần thứ nhất, sách đã dẫn: 86.
33. Có thể xem lý giải chi tiết về các mô hình này trong Linh mục Nguyễn Thái Hợp, OP. (2004), *Đường vào thần học về các tôn giáo*, tái bản lần 1, Định hướng Tùng thư xuất bản, Centre de recherches religieuses André Phú Yên, France. Theo cảm nhận chủ quan của chúng tôi, cuốn sách này ngoài một số phần phân tích bối cảnh, chứng minh thêm các luận điểm của tác giả, nội dung chủ yếu là tập hợp quan điểm thần học về các tôn giáo đã được dịch và in trong tập san *Thời sự thần học* của Trung tâm học vấn Đa Minh.
34. Đại diện là các nhà thần học như J. Hick và P.F. Knitter. Các nhà thần học này cho rằng, thuyết lấy Giáo hội làm trung tâm, hay thuyết lấy Chúa Giêsu làm trung tâm không thích nghi cho cuộc đối thoại liên tôn giáo, từ đó đề xướng thuyết Quy thần luận (Théocentrisme) với không cần chiếu vào Chúa Giêsu Kitô; thậm chí đề xướng thuyết Cơ Đốc cứu thế (Sotériologique), tức các tôn giáo gặp gỡ và tập trung dần dần vào những vấn đề nhân loại đang đau khổ thay vì tranh biện giáo điều.

- ^{35.} Được hiểu là sự giải thoát của Thiên Chúa khỏi cảnh đau thương để loài người đến với đời sống mới trong ân sủng của Người nhờ cuộc khổ nạn và phục sinh của Chúa Giêsu Kitô.
- ^{36.} Học thuyết lấy Giáo hội làm trung tâm một cách chấp nhất là kết quả của một hệ thống thần học nhất định, hoặc là của một lối hiểu sai lầm về câu “Ngoài Hội Thánh không có ơn cứu rỗi nào” (extra Ecclesiam nulla salus). Chủ trương hạn hẹp này từ sau Công đồng Vatican II không được các nhà thần học Công giáo bênh vực nữa. Việc từ bỏ bắt nguồn sau những lời xác quyết rõ rệt của Giáo hoàng Pio XII và Công đồng Vatican II về ơn cứu rỗi có thể đến với những ai không thuộc về Giáo hội theo sự quan phòng của thánh thần. Xem thêm Bruno Chenu và Marcel Neusch (Nguyễn Thị Chung dịch, 2006), *Thiên Chúa ở thế kỷ XXI*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 471 - 472.
- ^{37.} Câu này hiểu theo hai bối cảnh: một là, lập trường chuyên nhất chính thức của Giáo hội; hai là, trong nghĩa nguyên sơ của nó còn nhằm để khích lệ những phần tử trung kiên của Hội thánh.
- ^{38.} Linh mục Nguyễn Thái Hợp, OP. (2004), *Đường vào thần học về các tôn giáo*, tái bản lần thứ nhất, sách đã dẫn: 51.
- ^{39.} *Thông điệp Redemptor Hominis* (Đấng Cứu rỗi con người), ngày 4/3/1979, số 11.
- ^{40.} *Gaudium et Spes*, số 5: 22.
- ^{41.} Học thuyết lấy Chúa Giêsu Kitô làm trung tâm chấp nhận ơn cứu rỗi có thể xảy ra trong các tôn giáo, nhưng lại từ chối một sự “độc lập tự túc” về ơn cứu rỗi nơi các tôn giáo, vì phải dựa vào tính duy nhất và phổ quát của ơn cứu rỗi đến từ Chúa Giêsu Kitô. Học thuyết này dĩ nhiên là phổ biến hơn cả nơi các nhà thần học Công giáo, mặc dù có những dị biệt giữa họ với nhau. Nó có dung hợp ý muốn cứu rỗi có tính cách phổ quát của Thiên Chúa với sự kiện mọi người cũng có thể, theo nhân tính, tự kiện toàn lấy mình trong khung cảnh của truyền thống văn hóa mà tôn giáo được xem là một lối biểu lộ cao cả nhất và là nền tảng tối hậu. Ngoài ra còn có học thuyết lấy Thiên Chúa làm trung tâm cố gắng nhìn nhận những nguồn phong phú của các tôn giáo và đạo đức của tín đồ các tôn giáo này. Và cuối cùng, nó chủ trương tạo thuận lợi cho việc đoàn kết tất cả các tôn giáo để cùng nhau xây dựng hòa bình và công lý trên thế giới. Học thuyết lấy sự cứu rỗi làm trung tâm còn cố triệt để hóa học thuyết lấy Thiên Chúa làm trung tâm, bởi vì nó ít lưu ý đến vấn đề Chúa Giêsu Kitô hơn là chú ý đến sự dẫn thân thiết thực của mỗi tôn giáo cho nhân loại đang khổ đau (thực hành chân chính). Bằng cách này, giá trị các tôn giáo ở ngay trong sự kiện cổ vũ Nước Trời, sự cứu rỗi, và cuộc sống an lành của nhân loại. Vì thế, lập trường này được xem là duy thực tiễn và duy nội tại. Xem trong Ủy ban Thần học Quốc tế (Nguyễn Đăng Trúc dịch 2003), *Kitô giáo và các tôn giáo*, Định hướng Tùng thư xuất bản: 30 - 34.
- ^{42.} *Redemptoris misio*, số 5.
- ^{43.} Những ngày cuối của Nhiệm kỳ 1992 - 1997, Ủy ban Thần học Quốc tế đã chủ tâm cho ra một trong những tài liệu đáng lưu ý nhất về vấn đề tương quan giữa Kitô giáo và các tôn giáo. Sự kiện này được Giáo hội xem như là một dấu chỉ thời đại. Bản văn đã được toàn thể Ủy ban đồng ý theo thủ tục đặc biệt trong kỳ họp vào tháng 10/1996. Sau đó, nó được đệ trình lên vị Chủ

- tịch là Hồng y Joseph Ratzinger, Bộ trưởng Thánh bộ Đức tin, Ngài cho phép phổ biến. Bản gốc bằng tiếng Tây Ban Nha được dịch ra tiếng Pháp từ tháng 4/1997 với tựa đề *Le Christianisme et les religions*.
44. Ủy ban Thần học Quốc tế (Nguyễn Đăng Trúc dịch, 2003), *Kitô giáo và các tôn giáo*, sách đã dẫn: 86.
 45. Xem thêm Bruno Chenu và Marcel Neusch (Nguyễn Thị Chung dịch, 2006). *Thiên Chúa ở thế kỉ XXI*, sách đã dẫn: 472 - 473.
 46. Chi tiết về các giao ước và Chúa ba ngôi có thể xem bài của Linh mục Bảo Lộc, “Mục vụ đối thoại liên tôn”, trong *Tinh thần Assisi*, Kỷ yếu hội thảo tại Trung tâm Mục vụ Sài Gòn, ngày 27/17/2011, lưu hành nội bộ; hoặc trong phần đầu cuốn *Vấn đề đối thoại liên tôn giáo* của Linh mục Hoàng Sĩ Quý, Nxb. Ra khơi, Sài Gòn, 1972.
 47. Thánh Phanxicô được xem là biểu tượng và mẫu hình của con người hòa bình và đối thoại.
 48. *Bản tin Hiệp thông*, số 67, tháng 9 và 10/2011: 17.
 49. Xem thêm Nữ tu Mai Thành (2010), *Cầu vồng liên tôn*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 36 - 37.
 50. Nữ tu Mai Thành (2010), *Cầu vồng liên tôn*, sách đã dẫn: 18.
 51. Sáng kiến này gặp trở ngại ngay trong hàng ngũ giáo phẩm Roma. Đó là sự bất đồng quan điểm về đối thoại giữa Hội đồng Giáo hội Liên tôn và Hội đồng Giáo lý Đức tin với Hội đồng Phúc Âm hóa các dân tộc. Do đó chỉ có vài hồng y giám mục hiện diện tại quê hương của Thánh Phanxicô.
 52. Nữ tu Mai Thành (2010), *Cầu vồng liên tôn*, sách đã dẫn: 12-13.
 53. Tham khảo NCK, *Đối thoại liên tôn giáo*, in nội bộ, tháng 1/2009: 44 - 45.
 54. Chẳng hạn, tại Pháp, nơi Công giáo khá tiêu biểu cho Tây Âu, tỷ lệ người tự xưng là “không tôn giáo” đã tăng từ 26% năm 1981 lên thành 42% năm 1999. Những người trẻ tuổi chiếm vị trí cao nhất của tình trạng này: 50% là những người sinh giữa các năm 1964 và 1972; 53% sinh giữa những năm 1973 đến 1981. Con số này chỉ tương đối như một minh họa nhỏ.
 55. Xem *Bản tin Hiệp thông*, số 71, tháng 7 và 8/2012.
 56. Linh mục Bảo Lộc, “Mục vụ đối thoại liên tôn”, trong *Tinh thần Assisi*, Kỷ yếu hội thảo tại Trung tâm Mục vụ Sài Gòn, ngày 27/17/2011, lưu hành nội bộ: 110.
 57. Linh mục Hoàng Sĩ Quý là một linh mục Dòng Tên đã tốt nghiệp thần học tại Đại học Grégorienne, chuyên môn sâu là triết học và tôn giáo Ấn Độ, sau đó bảo vệ thành công luận án tiến sĩ tại Khoa Ấn Độ học tại Đại học Sorbonne; hiện cộng tác khá đều cho báo *Công giáo và Dân tộc* với bút danh Hoàng Sơn. Ông cũng có mấy tập sách về sống đạo Phương Đông được xuất bản gần đây.
 58. Ở phần đầu sách, Linh mục Hoàng Sĩ Quý nghiên cứu quan điểm *Kinh Thánh*, giáo phụ và thần học về các tôn giáo. Sau đó, sách tập trung tìm hiểu ơn cứu rỗi của cá nhân ngoài đức tin Công giáo và vai trò của các tôn giáo trong cứu rỗi. Phần cuối sách đi vào chính các tôn giáo Phương Đông và tìm xem các tôn giáo ấy có thực mang một sứ điệp cứu rỗi siêu nhiên nào không (cổ nhiên trong khung cảnh của một Đức tin mặc nhiên - ý nói tới sự Mạc

- khải và Quan phòng của Thiên Chúa - NQĐ). Sau cùng, phần Kết luận cuốn sách nêu lên những nguyên tắc hướng dẫn việc đối thoại.
59. Linh mục Bảo Lộc, “Mục vụ đối thoại liên tôn” trong *Tinh thần Assisi*, Kỷ yếu hội thảo tại Trung tâm Mục vụ Sài Gòn, ngày 27/17/2011, tài liệu đã dẫn: 112 - 113.
 60. Linh mục Bảo Lộc, “Mục vụ đối thoại liên tôn” trong *Tinh thần Assisi*, Kỷ yếu hội thảo tại Trung tâm Mục vụ Sài Gòn, ngày 27/17/2011, tài liệu đã dẫn: 80.
 61. Linh mục Nguyễn Hồng Giáo, “Sống tinh thần Assisi”, trong *Tinh thần Assisi*, Kỷ yếu hội thảo tại Trung tâm Mục vụ Sài Gòn, ngày 27/17/2011, tài liệu đã dẫn: 154.
 62. Trong tham luận của Hội đồng Giám mục Việt Nam tại Hội nghị Khoáng đại FABC lần thứ X năm 2012 tại Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, đề cập trong bối cảnh của Châu Á và Việt Nam, đối thoại cần hướng tới bốn thành phần (thay cho ba thành phần trước đó) là các tôn giáo, các nền văn hóa, người nghèo và người không tin.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Tinh thần Assisi*, Kỷ yếu hội thảo tại Trung tâm Mục vụ Sài Gòn, ngày 27/17/2011, lưu hành nội bộ.
2. *Thánh Công đồng Vaticanô II*, Phân khoa Thần học, Giáo hoàng Học viện Thánh Pio X xuất bản, Đà Lạt, 1972
3. *Bản tin Hiệp thông*, số 67, tháng 9 và 10/2011.
4. *Bản tin Hiệp thông*, số 71, tháng 7 và 8/2012.
5. Nữ tu Mai Thành (2010), *Cầu vồng liên tôn*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
6. NCK., *Đối thoại tôn giáo*, in nội bộ, tháng 1/2009.
7. Ủy ban Thần học Quốc tế (Nguyễn Đăng Trúc dịch, 2003), *Kitô giáo và các tôn giáo khác*, Định hướng Tùng thư xuất bản.
8. *Hợp tuyển thần học*, số 47, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2011.
9. Bruno Chenu và Marcel Neusch (Nguyễn Thị Chung dịch, 2006), *Thiên Chúa ở thế kỷ XXI*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
10. Linh mục Nguyễn Thái Hợp, OP. (2004), *Đường vào thần học về các tôn giáo*, tái bản lần 1, Định hướng Tùng thư xuất bản, Centre de Recherches Religieuses André Phú Yên, France.
11. *Thời sự thần học*, số 21, tháng 09/2000, Trung tâm học vấn Đa Minh xuất bản.
12. Linh mục Hoàng Sĩ Quý (1972), *Vấn đề đối thoại tôn giáo*, Nxb. Ra khơi, Sài Gòn.
13. Hội đồng Giáo hoàng về Đối thoại Liên tôn và Thánh bộ Truyền bá Phúc âm cho các dân tộc (1991), *Đối thoại và rao truyền*, Phong trào Giáo dân Việt Nam hải ngoại dịch từ bản Pháp ngữ, tài liệu lưu trữ ở Thư viện Tỉnh dòng Anh em hèn mọn Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.
14. Giáo hoàng Phaolô VI (2012), *Tông huấn Loan báo Tin mừng*, công bố năm 1975, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
15. Giáo hoàng Goan Phaolô II (2012), *Thông điệp Sứ vụ Đáng Cứu Thế*, công bố năm 1990, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

16. Giáo hoàng Goan Phaolô II (2012), *Tông huấn Giáo hội Châu Á*, công bố năm 1999, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

INTER - RELIGIOUS DIALOGUE FROM THE SECOND VATICAN COUNCIL

This article outlines the process of inter-religious dialogue of the Catholic Church from the Second Vatican Council today. The main content of this article deals with the important instruments on the themes of inter-religious dialogue in and after the Second Vatican Council; the progresses of theological dialogue according to diachrony and the key arguments of the themes of dialogue; the activities of inter-religious dialogue of Holy See as well as of Asian Bishops' Council; the tendency and perspective of inter-religious dialogue are made to subjects of dialogue; general view on inter-religious dialogue of Vietnamese Catholicism.

Key words: Catholicism; The Second Vatican Council; Vietnamese Catholicism; Inter-religious dialogue, Theology of religions.